

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN BIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST  
Ngày 29-6-2020  
“V/v tranh chấp về hợp đồng  
dân sự mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thị Gấm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Ngọc Duyên và ông Hà Minh Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:**  
Không tham gia.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn C (tên gọi khác H), sinh năm 1970 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958 (Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án nguyên đơn ông Phan Văn C trình bày yêu cầu như sau:**

Ngày 22/4/2015 bà Nguyễn Thị M có mua tôm giống (tôm sú) của ông C với số lượng là 3,2kg tôm giống với giá 1.300.000đ/01kg = 4.160.000đ và 04 bao canxi với giá 26.000đ/bao x 04 bao = 104.000đ, tổng cộng là 4.264.000đ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) chưa thanh toán cho ông C, bà M hứa sẽ

sớm trả dứt nợ cho ông C, sau đó ông C có gặp bà M để đòi nợ nhưng bà M chỉ hứa hẹn nhiều lần mà không trả số tiền còn nợ.

Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị M trả số tiền còn nợ là 4.264.000đ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), không yêu cầu lãi suất.

Tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp gồm: Bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; 01 biên bản hòa giải áp A và 01 bản đề nghị cùng ngày 08/01/2020; bản tự khai thừa nhận nợ của bị đơn Nguyễn Thị M.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông C yêu cầu bà M trả một lần số tiền 4.264.000đ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) trong thời hạn 30 ngày, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M vắng mặt nên không có ý kiến yêu cầu gì.

**Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị M có ý kiến:**

Bà M thừa nhận còn nợ ông Phan Văn C số tiền mua bán vật tư nuôi tôm là 4.264.000đ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) đúng như ông C trình bày, nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên xin trả số tiền 4.264.000đ làm 02 lần cụ thể như sau: Vào ngày 30/7/2020 âm lịch trả số tiền 2.000.000đ, còn số tiền còn lại là 2.264.000đ thì xin trả vào ngày 30/7/2021 âm lịch là dứt nợ.

Bản thân bị đơn bà Nguyễn Thị M không thuộc diện người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, cận nghèo, gia đình cánh mạng, không thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý.

**Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau.**

Phần các đương sự đã thống nhất: Ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị M thống nhất xác nhận là bà Nguyễn Thị M còn nợ ông Phan Văn C số tiền 4.264.000đ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Phần các đương sự không thống nhất: Ông C yêu cầu trả một lần số tiền 4.264.000đ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) trong thời hạn 30 ngày, không yêu cầu lãi suất; bà M xin trả số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) vào ngày 30/7/2020 âm lịch, còn số tiền còn lại là 2.264.000đ thì xin trả vào ngày 30/7/2021 âm lịch là dứt nợ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông C khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền mua bán tôm giống và vật tư nông nghiệp còn nợ nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản” được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà M đã được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung vụ án: Ghi nhận sự thống nhất xác nhận còn nợ giữa các đương sự là: Bà Nguyễn Thị M xác nhận còn nợ ông Phan Văn C số tiền 4.264.000đ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Tuy nhiên, về thời hạn trả nợ các đương sự có yêu cầu ý kiến khác nhau nên không có căn cứ để xem xét công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về thời hạn trả nợ thì khi bản án có hiệu lực thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Từ các nhận định nêu trên, HĐXX thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn C buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn C số tiền 4.264.000đ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

[5] Về án phí của vụ án: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho ông Phan Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn C.**

Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn C số tiền còn nợ là 4.264.000đ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

**2. Về án phí vụ kiện:**

Buộc bà Nguyễn Thị M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Phan Văn C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008511 ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**3. Quyền kháng cáo:** Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/6/2020). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Thị Gấm**